

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI ĐÀ NẴNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 129/2018/DS-PT

Ngày: 27/9/2018

*V/v tranh chấp quyền sử dụng đất,
hủy hợp đồng tặng cho quyền sử
dụng đất, hủy quyết định cá biệt*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Minh Tuấn**

Các Thẩm phán: Ông Võ Ngọc Thông

Ông Nguyễn Cường

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Phương Liên** – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông Nguyễn Thế Vinh – Kiểm sát viên.

Vào ngày 27 tháng 9 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 129/2018/TLPT-DS ngày 21 tháng 5 năm 2018 về việc: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất, hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, hủy quyết định cá biệt*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2018/DS-ST ngày 27/3/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 129A/2018/QĐ-PT ngày 11 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thị K**, sinh năm 1968; cư trú tại: Khối 2, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Ngô Thanh T**, Luật sư thuộc Văn phòng luật sư T, thuộc đoàn Luật sư tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- *Bì đơn*: Bà **Lê Thi P**, sinh năm 1963. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông **Nguyễn Thành T**, sinh năm 1982; cùng cư trú tại: Khôi 2, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam. (Văn

bản ủy quyền ngày 29 tháng 5 năm 2017). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông **Lê Vĩnh T1**, sinh năm 1971; cư trú tại: xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Vĩnh T1: Ông **Nguyễn Thành T**, sinh năm 1982; cư trú tại: Khối 2, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam. (Văn bản ủy quyền ngày 24 tháng 4 năm 2017). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Văn phòng Đăng ký đất đai Quảng Nam; Địa chỉ: tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trần Văn C**, chức vụ: Phó Giám đốc (Văn bản ủy quyền ngày 24 tháng 3 năm 2017). Có mặt.

3. Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam; Địa chỉ: Khối 3, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn K**, chức vụ: Phó Trưởng Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện N. (Văn bản ủy quyền ngày 26 tháng 7 năm 2017). Vắng mặt.

4. Văn phòng công chứng N; Địa chỉ: thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Thị Như N**, chức vụ: Trưởng văn phòng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/5/2016, các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Huỳnh Thị K trình bày:

Vào năm 1997 bà có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của vợ chồng ông Huỳnh Tấn C và bà Nguyễn Thị H tại khối 2, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam (trong đó kích thước chiều rộng phía trước giáp Quốc lộ là 6,6 m, chiều rộng phía sau giáp đường sắt là 7,6 m, chiều dài từ chân đường Quốc lộ đến chân đường sắt là 48 m). Vì đất xéo không đẹp nên lúc kê khai đăng ký quyền sử dụng đất để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà có điều chỉnh kích thước chiều rộng phía trước và phía sau đều là 6,6 m và bà đã được Ủy ban nhân dân huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 123,7 m² tại thửa đất số 53, tờ bản đồ số 11c, loại đất ở đô thị vào ngày 17/6/2003.

Ngày 23/01/2015, bà Lê Thị P nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Lê Văn T2 và bà Vũ Thị Minh T3 tại thửa đất số 54, tờ bản đồ số 11c, với diện tích 140,6 m² (giáp đất bà K). Trong giấy hoán đổi đất vườn năm 1993, kích thước chiều ngang thửa đất của ông T2, bà T3 là 6,7 m và trong trích lục sơ đồ thửa đất vào năm 1997, kích thước chiều ngang thửa đất của ông T2, bà T3 vẫn là 6,7 m nhưng khi chuyển nhượng cho bà P thì kích thước chiều ngang phía trước là 7,5 m và chiều ngang phía sau là 7,8 m là không phù hợp và sau khi nhận chuyển nhượng đất từ ông T2 và bà T3, bà P đã làm nhà lán chiếm diện tích đất của bà qua xem xét, thẩm định có diện tích 8,5 m². Diện tích 8,5 m² này không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà nhưng nằm trong diện tích

đất mà bà đã nhận chuyển nhượng từ ông Cương, bà Hiệp.

Ngày 19/11/2015, bà P đã tặng cho thửa đất số 54, tờ bản đồ số 11c cho ông Lê Vĩnh T1 (em trai bà P) và đến ngày 30/11/2015, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai N đã đăng ký biến động trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Văn T2, bà Vũ Thị Minh T3 về việc bà P tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Lê Vĩnh T1. Ngày 22/4/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N đã cấp giấy phép xây dựng nhà cho ông T1.

Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Lê Thị P trả lại diện tích đất lấn chiếm qua xem xét, thẩm định là 8,5 m²; hủy phần chỉnh lý biến động về việc tặng cho ông Lê Vĩnh T1 trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 542526 do Ủy ban nhân dân huyện N cấp ngày 10/5/2006 cho ông Lê Văn T2 và bà Vũ Thị Minh T3; hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Lê Thị P và ông Lê Vĩnh T1 được Văn phòng công chứng N công chứng ngày 19/11/2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Huỳnh Thị K yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 542526 do Ủy ban nhân dân huyện N cấp ngày 10/5/2006 cho ông Lê Văn T2 và bà Vũ Thị Minh T3 và hủy giấy phép xây dựng của Ủy ban nhân dân huyện N cấp cho ông Lê Vĩnh T1 ngày 22/4/2016. Tuy nhiên, ngày 29/6/2017 và tại phiên tòa bà K đã rút hai yêu cầu này.

Theo các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Lê Thị P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Vĩnh T1 là ông Nguyễn Thành T trình bày:

Diện tích đất 140,6 m² tại thửa đất số 54, tờ bản đồ số 11c mà ông T1 nhận tặng cho từ bà P theo hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được Văn phòng công chứng N công chứng ngày 19/11/2015 có nguồn gốc do bà P nhận chuyển nhượng từ ông Lê Văn T2 và bà Vũ Thị Minh T3 theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 23/01/2015. Sau khi nhận tặng cho quyền sử dụng đất từ bà P, ông T1 đã được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai N đăng ký biến động trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 542526 của ông Lê Văn T2 và bà Vũ Thị Minh T3 do UBND huyện N cấp ngày 10/5/2006. Do đó đối với yêu cầu khởi kiện của bà K ông không đồng ý.

Theo các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng đăng ký đất đai Quảng Nam trình bày:

Ngày 19/11/2015 bà Lê Thị P lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Lê Vĩnh T1 tại thửa đất số 54, tờ bản đồ số 11c, tại khối 2, thị trấn N, huyện N với diện tích 140,6 m² được UBND huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB542526 ngày 10/5/2006 và được Văn phòng công chứng N công chứng ngày 19/11/2015.

Sau khi tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ, ngày 20/11/2015 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai N đã lập Phiếu chuyển thông tin địa chính số 3769/PC gửi Chi

cục Thuế huyện N để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai. Ngày 24/11/2015, Chi cục Thuế huyện N có thông báo số 79/11/TB về nộp Lệ phí trước bạ nhà, đất và nộp thuế thu nhập cá nhân. Sau khi các bên liên quan đã thực hiện xong nghĩa vụ tài chính theo quy định, ngày 30/11/2015 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai N đã tiến hành chỉnh lý biến động với nội dung “*Tặng cho ông Lê Vĩnh T1, CMND số 205018001, địa chỉ tại xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam theo hồ sơ số 001221*” và chuyển giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 542526 cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả N để trao cho ông Lê Vĩnh T1 theo đúng quy định hiện hành. Việc tiếp nhận hồ sơ và thực hiện chỉnh lý biến động của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai N đối với trường hợp tặng cho quyền sử dụng đất của bà Lê Thị P cho ông Lê Vĩnh T1 là đúng quy định của pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện N trình bày:

Ngày 19/11/2015 bà Lê Thị P đã lập hợp đồng tặng cho ông Lê Vĩnh T1 diện tích đất 140,6 m² tại thửa đất số 54, tờ bản đồ số 11c, tại khối 2, thị trấn N, huyện N, hợp đồng này đã được Văn phòng Công chứng N công chứng cùng ngày. Ông Lê Vĩnh T1 đã thực hiện nghĩa vụ thuế, lệ phí đối với Nhà nước, theo đó ngày 30/11/2015 Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai N đã chỉnh lý hồ sơ quyền sử dụng đất và cho phép ông Lê Vĩnh T1 đăng ký quyền sử dụng đất. Trên cơ sở ông T1 sử dụng đất hợp pháp và có đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng nhà ở nên ngày 22/4/2016 UBND huyện N cấp giấy phép xây dựng số 79/GPXD cho ông Lê Vĩnh T1 là đúng quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2018/DS-ST ngày 27/3/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Căn cứ vào các điều 26, 34, 157, điểm g khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 32 của Luật tố tụng hành chính; Điều 166, khoản 1 Điều 167, Điều 203 của Luật Đất đai; Điều 11, Điều 164 của Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Đình chỉ việc xét xử đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện N cấp cho ông Lê Văn T2 và bà Vũ Thị Minh T3 tại thửa đất số 54, tờ bản đồ số 11c, diện tích 140,6 m² và yêu cầu hủy giấy phép xây dựng số 79/GPXD do Ủy ban nhân dân huyện N cấp cho ông Lê Vĩnh T1 ngày 22/4/2016.

- Bác yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị K về việc: Buộc bà Lê Thị P trả lại diện tích đất lấn chiếm 8,5 m², hủy phần chỉnh lý biến động về việc tặng cho ông Lê Vĩnh T1 trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 542526 do Ủy ban nhân dân huyện N cấp cho ông Lê Văn T2 và bà Vũ Thị Minh T3 ngày 10/5/2006, hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Lê Thị P và ông Lê

Vĩnh T1 được Văn phòng công chứng N công chứng ngày 19/11/2015.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí thẩm định giá, phần án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 06/4/2018, bà Huỳnh Thị K kháng cáo toàn bộ bản án.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng đại diện Ủy ban nhân dân huyện N và đại diện Văn phòng công chứng N vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đơn kháng cáo và luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp nguyên đơn cho rằng nguồn gốc 8,5 m² đang tranh chấp đã được sử dụng từ lâu, mặc dù chưa đăng ký kê khai, do vậy để đảm bảo quyền lợi cho bà K, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, buộc bà Lê Thị P phải trả lại diện tích đất 8,5 m² cho bà K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng các tài liệu thu thập được thể hiện diện tích đất cấp cho bà Huỳnh Thị K có chiều ngang trước và sau đều là 6,6 m, nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

[2] Xét kháng cáo của bà Huỳnh Thị K cho rằng khi nhận chuyển nhượng đất từ vợ chồng ông Cương, bà Hiệp thì cạnh phía sau của thửa đất có chiều dài 7,6 m nhưng vì cạnh phía trước chiều dài 6,6 m nên bà tự ý sửa cạnh phía sau thành 6,6 m để thửa đất vuông vắn; còn lại 1 m đất cạnh phía sau có diện tích là 8,5 m², bà chưa đăng ký kê khai thì bị bà P lấn chiếm sử dụng nên yêu cầu Tòa án buộc bà P trả lại; Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về chiều dài cạnh phía sau thửa đất bà K nhận chuyển nhượng:

- Giấy chuyển nhượng đất vườn giữa ông Huỳnh Tấn C, bà Nguyễn Thị H với bà Huỳnh Thị K ngày 01/4/1997 thể hiện chiều dài cạnh phía trước là 6,6 m, chiều dài cạnh phía sau có sự chỉnh sửa giữa 6,6 m với 7,6 m. Tuy nhiên, trong Đơn xin chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông C, bà H lập ngày 04/4/1997 được UBND thị trấn N xác nhận và Trích lục bản đồ thửa đất xin chuyển quyền do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đo vẽ đều thể hiện thửa đất chuyển nhượng có cạnh phía trước và phía sau là 6,6 m, diện tích nhận chuyển nhượng là 116,16 m².

- Đồng thời, người chuyển nhượng đất cho bà K là ông Huỳnh Tấn C khẳng định khi chuyển nhượng đất cho bà K thì phía trước và phía sau đều có

chiều dài 6,6 m, không có sự chỉnh sửa trong Giấy chuyển nhượng như lời trình bày của bà K.

- Ngày 17/6/2003, bà K đã được Ủy ban nhân dân huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 123,7 m², có kích thước chiều rộng phía trước và phía sau đều là 6,6 m và không có khiếu nại gì.

Như vậy, có căn cứ xác định bà K nhận chuyển nhượng thửa đất của vợ chồng ông Cương, bà Hiệp có chiều dài cạnh phía sau là 6,6 m chứ không phải 7,6 m như lời bà K khai.

[2.2] Về quyền sử dụng 8,5 m² đất tranh chấp:

Ngày 23/01/2013, bà Lê Thị P nhận chuyển nhượng diện tích đất 140,6 m² của vợ chồng ông Lê Văn T2 và bà Vũ Thị Minh T3. Đến ngày 19/11/2015, bà P lập Hợp đồng tặng cho em trai là ông Lê Vĩnh T1; ông T1 đã được chỉnh lý sang tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 542526 ngày 10/5/2006 diện tích 140,6 m², thửa đất số 54, tờ bản đồ số 11C do Ủy ban nhân dân huyện N cấp cho vợ chồng ông T2, bà T3.

Hiện nay qua đo đạc thực tế thì diện tích đất ông T1 đang sử dụng là 141,9 m², (kể cả 8,5 m² đất tranh chấp) tăng 1,3 m² so với được cấp. Bà K được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 123,7 m²; qua đo đạc thực tế thì bà K đang sử dụng 129,7 m² là tăng 6 m² so với được cấp và tăng 13,54 m² so với nhận chuyển nhượng (116,16 m²).

[3] Tại Công văn số 132/TNMT ngày 26/9/2017 và Biên bản xác minh của Tòa án tại Phòng tài nguyên và Môi trường huyện N xác định diện tích đất tranh chấp nằm trong diện tích đất đã cấp cho ông T2, bà T3 nay chỉnh lý sang tên cho ông T1, không nằm trong diện tích đất đã cấp cho bà K. Như vậy, diện tích đất bà K đang quản lý sử dụng tăng so với được cấp là 6 m², trong khi đó diện tích đất ông T1 đang quản lý sử dụng, kể cả diện tích đất tranh chấp chỉ tăng 1,3 m², nếu không tính diện tích đất tranh chấp thì giảm 7,2 m² so với được cấp; đồng thời cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đã xác định diện tích đất tranh chấp thuộc diện tích đất đã cấp cho ông T1, diện tích đất ông T1 tăng 1,3 m² là sai số khi đo đạc. Do đó, bà K cho rằng bà P (nay đã cho ông T1 sử dụng) lấn chiếm của bà 8,5 m² là không có cơ sở.

[4] Từ các phân tích trên, có cơ sở xác định bà K khởi kiện yêu cầu bà P trả lại 8,5 m² đất vì cho rằng cạnh phía sau thửa đất của bà có chiều dài 7,6 m nhưng hiện nay chỉ còn 6,6 m là không đúng. Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà K là có căn cứ, đúng pháp luật. Kháng cáo của bà K là không có căn cứ, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Bà Huỳnh Thị K phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Tòa không xét.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị K. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 05/2018/DS-ST ngày 27/3/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Căn cứ vào các điều 26, 34, 157, điểm g khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 32 của Luật tố tụng hành chính; Điều 166, khoản 1 Điều 167, Điều 203 của Luật Đất đai; Điều 11, Điều 164 của Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1.1. Đình chỉ việc xét xử đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện N cấp cho ông Lê Văn T2 và bà Vũ Thị Minh T3 tại thửa đất số 54, tờ bản đồ số 11c, diện tích 140,6 m² và yêu cầu hủy giấy phép xây dựng số 79/GPXD do Ủy ban nhân dân huyện N cấp cho ông Lê Vĩnh T1 ngày 22/4/2016.

1.2. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị K về việc: Buộc bà Lê Thị P trả lại diện tích đất lấn chiếm 8,5 m², hủy phần chỉnh lý biến động về việc tặng cho ông Lê Vĩnh T1 trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 542526 do Ủy ban nhân dân huyện N cấp cho ông Lê Văn T2 và bà Vũ Thị Minh T3 ngày 10/5/2006, hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Lê Thị P và ông Lê Vĩnh T1 được Văn phòng công chứng N công chứng ngày 19/11/2015.

2. Án phí: Bà Huỳnh Thị K phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0000112 ngày 12-4-2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về các phần còn lại không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Minh Tuấn